UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG TIỀN HẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34 /TB-UBND	*Đông Tiền Hải, ngày 20 tháng 03 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (Giai đoạn 2 - đợt 1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 09/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Hải Long, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hải Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Phân khu công nghiệp);

Căn cứ văn bản số 563/UBND-KT2 ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt cho 104 xã, phường đến khi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

Căn cứ văn bản số 247/2025/CV-BM ngày 31/12/2025 của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh về việc đề nghị thực hiện công tác GPMB Khu công nghiệp Hải Long tại xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (giai đoạn 2 – đợt 1). Địa điểm: xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Đông Tiền Hải tại Tờ trình số 06/TTr-KT ngày 17 tháng 03 năm 2026.

Uỷ ban nhân dân xã Đông Tiền Hải thông báo như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long.

2. Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi là 29.965,7m^2, loại đất LUC, tờ bản đồ 01 thuộc địa giới hành chính thôn Hải Long xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên, (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Vị trí khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ địa chính xã Đông Xuyên đo đạc bổ sung tháng 5 năm 2025, do Công ty cổ phần Trắc địa - Xây dựng và thương mại Tuấn Kiệt đo vẽ tháng 5 năm 2025 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình duyệt ngày 11/6/2025.

3. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên chủ trì, phối hợp với Phòng kinh tế và cơ sở thôn, các đơn vị liên quan và người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 03/5/2026;

4. Kế hoạch thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; Tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi để lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm

yết; Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; hoàn chỉnh hồ sơ, phương án trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/5/2026;

- Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án; phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 05/7/2026;

- Tổ chức chi trả, thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt; tổ chức bàn giao đất tái định cư trên thực địa (nếu có).

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 15/7/2026;

- Tiến độ thu hồi đất:

Dự kiến thời gian hoàn thành: 25/7/2026.

5. Giao phòng Kinh tế xã phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã gửi thông báo thu hồi đất đến chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi; thông báo nội dung thông báo này trên phương tiện thông tin đại chúng của xã; niêm yết thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải, và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

6. Sau khi nhận thông báo thu hồi đất chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi không được xây dựng nhà công trình hoặc nuôi, trồng mới trên đất. Nhà nước không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với các tài sản, công trình xây dựng hoặc nuôi, trồng mới trên đất sau khi có thông báo thu hồi đất; Người đại diện chủ sử dụng đất, chủ sử dụng tài sản gắn liền với đất nhận thông báo này có trách nhiệm thông báo cho các các thành viên khác có liên quan được biết về nội dung thông báo này.

7. Thông báo thu hồi đất có hiệu lực là 12 tháng tính từ ngày ban hành.

Uỷ ban nhân dân xã thông báo để các phòng, đơn vị thuộc xã và các cơ quan, đơn vị, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm PTQĐ số 2;
- Nhà đầu tư dự án;
- Các phòng, đơn vị, trưởng các thôn liên quan;
- Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất, tài sản thu hồi;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐÔNG TIỀN TỈNH HƯNG YÊN

Trần Văn Linh

BẢNG THỐNG KÊ THỬA ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long - giai đoạn 2 - đợt 1

Địa điểm: thôn Hải Long Xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên.

Kèm theo thông báo số 39 /TB-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên

STT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ (Thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
1	Lại Xuân Mạnh, Lê Thị Hồng	Hải Long	77	1	LUC	3.591,0	3.591,0	0,0
2	Đoàn Văn Đông	Hải Long	78	1	LUC	3.505,0	3.505,0	0,0
3	Bùi Thị Sảnh	Hải Long	81	1	LUC	353,1	353,1	0,0
4	Bùi Thị Sảnh	Hải Long	82	1	LUC	268,9	268,9	0,0
5	Vũ Thị Hoa	Hải Long	83	1	LUC	3.505,1	2.799,2	705,9
6	Vũ Thị Hoa	Hải Long	205	1	LUC	300,4	300,4	0,0
7	Lại Xuân Toại	Hải Long	85	1	LUC	2.071,2	4,5	2.066,7
8	Lương Thị Hường	Hải Long	191	1	LUC	412,3	412,3	0,0
9	Vũ Tiến Huần	Hải Long	192	1	LUC	1.233,0	1.206,6	26,4
10	Nguyễn Văn Vĩ, Nguyễn Thị Nụ	Hải Long	193	1	LUC	1.404,0	1.300,4	103,6
11	Lương Thị Nguyên	Hải Long	194	1	LUC	2.216,0	1.835,4	380,6
12	Phạm Ngọc Hòa, Lương Thị Loan	Hải Long	195	1	LUC	2.279,0	1.996,7	282,3
13	Đặng Văn Liên, Trần Thị Xuyến	Hải Long	196	1	LUC	2.356,0	1.358,5	997,5
14	Phan Văn Huyến	Hải Long	197	1	LUC	2.410,7	2.410,7	0,0
15	Trần Văn Nghị, Nguyễn Thị Rần	Hải Long	198	1	LUC	2.884,0	2.884,0	0,0
16	Nguyễn Văn Duyện, Roãn Thị Bưởi	Hải Long	199	1	LUC	2.334,0	2.334,0	0,0
17	Đặng Văn Nhự, Đặng Thị Mừng	Hải Long	200	1	LUC	3.405,0	3.405,0	0,0
	Cộng tổng					**34.528,7**	**29.965,7**	**4563,0**

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG TIỀN HẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /TB-UBND	*Đông Tiền Hải, ngày 20 tháng 03 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (Giai đoạn 2 - đợt 1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 09/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hải Long, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hải Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Phân khu công nghiệp);

Căn cứ văn bản số 563/UBND-KT2 ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt cho 104 xã, phường đến khi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

Căn cứ văn bản số 247/2025/CV-BM ngày 31/12/2025 của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh về việc đề nghị thực hiện công tác GPMB Khu công nghiệp Hải Long tại xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (giai đoạn 2 – đợt 1). Địa điểm: xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Đông Tiền Hải tại Tờ trình số 06/TTr-KT ngày 17 tháng 03 năm 2026.

Uỷ ban nhân dân xã Đông Tiền Hải thông báo như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long.

2. Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi là 69.824,1m^2, loại đất LUC thuộc địa giới hành chính thôn Hưng Thịnh xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên, (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Vị trí khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ địa chính số 03, 04, 07 xã Đông Long đo đạc bổ sung tháng 5 năm 2025, do Công ty cổ phần Trắc địa - Xây dựng và thương mại Tuấn Kiệt đo vẽ tháng 5 năm 2025 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình duyệt ngày 11/6/2025.

3. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên chủ trì, phối hợp với Phòng kinh tế và cơ sở thôn, các đơn vị liên quan và người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 03/5/2026;

4. Kế hoạch thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; Tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi để lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm yết; Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; hoàn chỉnh hồ sơ, phương án trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/5/2026;

- Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án; phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 05/7/2026;

- Tổ chức chi trả, thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt; tổ chức bàn giao đất tái định cư trên thực địa (nếu có).

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 15/7/2026;

- Tiến độ thu hồi đất:

Dự kiến thời gian hoàn thành: 25/7/2026.

5. Giao phòng Kinh tế xã phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã gửi thông báo thu hồi đất đến chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi; thông báo nội dung thông báo này trên phương tiện thông tin đại chúng của xã; niêm yết thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải, và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

6. Sau khi nhận thông báo thu hồi đất chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi không được xây dựng nhà công trình hoặc nuôi, trồng mới trên đất. Nhà nước không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với các tài sản, công trình xây dựng hoặc nuôi, trồng mới trên đất sau khi có thông báo thu hồi đất; Người đại diện chủ sử dụng đất, chủ sử dụng tài sản gắn liền với đất nhận thông báo này có trách nhiệm thông báo cho các các thành viên khác có liên quan được biết về nội dung thông báo này.

7. Thông báo thu hồi đất có hiệu lực là 12 tháng tính từ ngày ban hành.

Uỷ ban nhân dân xã thông báo để các phòng, đơn vị thuộc xã và các cơ quan, đơn vị, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm PTQĐ số 2;
- Nhà đầu tư dự án;
- Các phòng, đơn vị, trưởng các thôn liên quan;
- Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất, tài sản thu hồi;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐÔNG TIỀN HẢI T.HƯNG YÊN

Trần Văn Linh

BẢNG THỐNG KÊ THỬA ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long - giai đoạn 2 - đợt 1

Địa điểm: thôn Hưng Thịnh Xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên.

Kèm theo thông báo số 35 /TB-UBND ngày 20 /3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên

STT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ (thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
1	Vũ Văn Hiệp, Vũ Thị Dung	Hưng Thịnh	01	03	LUC	979,8	979,8	0,0
2	Vũ Văn Hiệp, Vũ Thị Dung	Hưng Thịnh	18	03	LUC	431,2	431,2	0,0
3	Roãn Văn Lên, Nguyễn Thị Vần	Hưng Thịnh	02	03	LUC	609,0	609,0	0,0
4	Lê Văn Thơ, Đoàn Thị Duyên	Hưng Thịnh	03	03	LUC	1.100,0	1.100,0	0,0
5	Lê Văn Thơ, Đoàn Thị Duyên	Hưng Thịnh	19	04	LUC	444,1	444,1	0,0
6	Mai Đức Bản, Nguyễn Thị Huệ	Hưng Thịnh	04	03	LUC	605,7	605,7	0,0
7	Mai Đức Bản, Nguyễn Thị Huệ	Hưng Thịnh	05	03	LUC	1.030,3	1.030,3	0,0
8	Lê Văn Đoài, Nguyễn Thị Phượng	Hưng Thịnh	06	03	LUC	1.501,8	1.501,8	0,0
9	Lê Văn Đoài, Nguyễn Thị Phượng	Hưng Thịnh	21	04	LUC	810,0	810,0	0,0
10	Trần Văn Kiển, Phạm Thị Rậu (ông Kiển đã chết) hiện bà Phạm Thị Rậu đang sử dụng	Hưng Thịnh	07	03	LUC	424,6	424,6	0,0
11	Trần Văn Kiển, Phạm Thị Rậu (ông Kiển đã chết) hiện bà Phạm Thị Rậu đang sử dụng	Hưng Thịnh	41	04	LUC	819,1	819,1	0,0
12	Trần Văn Khương	Hưng Thịnh	08	03	LUC	1.136,0	1.136,0	0,0
13	Trần Văn Khắc, Nguyễn Thị Lệ Giang	Hưng Thịnh	09	03	LUC	527,0	527,0	0,0
14	Vũ Văn Việt, Roãn Thị Chẵn	Hưng Thịnh	10	03	LUC	1.442,2	1.442,2	0,0
15	Vũ Văn Việt, Roãn Thị Chẵn	Hưng Thịnh	18	04	LUC	718,0	718,0	0,0
16	Vũ Văn Thực, Trần Thị My	Hưng Thịnh	11	03	LUC	550,4	550,4	0,0
17	Vũ Văn Thực, Trần Thị My	Hưng Thịnh	137	04	LUC	503,8	503,8	0
18	Trần Văn Cảnh, Mai Thị Tâm	Hưng Thịnh	12	03	LUC	1.100,6	1.085,1	15,5
19	Trần Văn Cảnh, Mai Thị Tâm	Hưng Thịnh	38	04	LUC	734,2	734,2	0,0
20	Vũ Văn Viết, Mai Thị Điểm	Hưng Thịnh	13	03	LUC	1.097,0	1.097,0	0,0
21	Vũ Văn Viết, Mai Thị Điểm	Hưng Thịnh	29	04	LUC	592,0	592,0	0,0
22	Trần Kim Phan, Trần Thị Hòa (ông Phan đã chết) hiện bà Trần Thị Hòa đang sử dụng	Hưng Thịnh	14	03	LUC	1.136,0	1.136,0	0,0
23	Roãn Văn Liệu, Vũ Thị Sâm	Hưng Thịnh	15	03	LUC	1.231,0	1.231,0	0,0
24	Mai Đức Cấp, Roãn Thị Mĩn (Huệ)	Hưng Thịnh	16	03	LUC	2.643,0	2.643,0	0,0
25	Mai Đức Cấp, Roãn Thị Mĩn (Huệ)	Hưng Thịnh	28	04	LUC	1.122,6	1.122,6	0,0
26	Roãn Thị Miên	Hưng Thịnh	17	03	LUC	900,0	900,0	0,0
27	Roãn Thị Miên	Hưng Thịnh	29	03	LUC	578,6	578,6	0,0
28	Nguyễn Văn Năng (đã chết) hiện ông Nguyễn Văn Trường (con ông Năng) đang sử dụng	Hưng Thịnh	19	03	LUC	927,0	927,0	0,0
29	Vũ Ngọc Tú, Trần Thị Vui	Hưng Thịnh	20	03	LUC	609,4	609,4	0,0
30	Nguyễn Văn Trường, Phạm Thị Va	Hưng Thịnh	11	7	LUC	1.345,9	1.336,7	9,2
31	Roãn Trọng Quyền	Hưng Thịnh	21	03	LUC	1.136,0	1.136,0	0,0
32	Phạm Văn Trực, Nguyễn Thị Mừng	Hưng Thịnh	22	03	LUC	1.084,9	1.084,9	0,0
33	Trần Văn Chanh, Roãn Thị Ngọ (ông Chanh bà Ngọ đã chết) hiện ông Trần Nam Trung là con đang sử dụng	Hưng Thịnh	23	03	LUC	1.029,0	1.029,0	0,0
34	Trần Thị Hiên	Hưng Thịnh	24	03	LUC	514,0	514,0	0,0
35	Doãn Văn Tuyển, Nguyễn Thị Nhài	Hưng Thịnh	25	03	LUC	357,0	357,0	0,0
36	Doãn Văn Tuấn, Mai Thị My	Hưng Thịnh	26	03	LUC	1.560,2	1.560,2	0,0

STT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ (thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
37	Roãn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Tĩnh	Hưng Thịnh	27	03	LUC	886,7	886,7	0,0
38	Roãn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Tĩnh	Hưng Thịnh	6	7	LUC	1.779,6	1.779,6	0,0
39	Đặng Xuân Thành, Nguyễn Thị Rằm	Hưng Thịnh	28	03	LUC	596,0	596,0	0,0
40	Roãn Văn Tư, Đào Thị Thuận	Hưng Thịnh	32	03	LUC	366,0	366,0	0,0
41	Roãn Văn Từ, Phạm Thị Biên (bà Biên đã chết) hiện ông Roãn Văn Từ đang sử dụng	Hưng Thịnh	33	03	LUC	253,8	253,8	0
42	Roãn Văn Từ, Phạm Thị Biên (bà Biên đã chết) hiện ông Roãn Văn Từ đang sử dụng	Hưng Thịnh	4	7	LUC	424,0	424,0	0,0
43	Roãn Văn Toan, Bùi Thị Mận (ông Toan đã chết) hiện bà Bùi Thị Mận đang sử dụng	Hưng Thịnh	34	03	LUC	127,7	127,7	0,0
44	Roãn Văn Toan, Bùi Thị Mận (ông Toan đã chết) hiện bà Bùi Thị Mận đang sử dụng	Hưng Thịnh	5	7	LUC	932,0	932,0	0,0
45	Vũ Ngọc Tuân, Nguyễn Thị Tấm	Hưng Thịnh	35	03	LUC	1.166,0	1.166,0	0,0
46	Đặng Thị Mai (bà Mai đã chết) hiện ông Đặng Duy Trưởng (con bà Mai) đang sử dụng	Hưng Thịnh	36	03	LUC	502,6	502,6	0,0
47	Đặng Duy Trưởng, Đinh Thị Kim Thanh	Hưng Thịnh	22	04	LUC	485,3	485,3	0,0
48	Đặng Duy Trưởng, Đinh Thị Kim Thanh	Hưng Thịnh	15	7	LUC	1.623,0	1.623,0	0,0
49	Đặng Thế Hân, Lương Thị Thêu + cụ Viễn	Hưng Thịnh	37	03	LUC	667,0	667,0	0,0
50	Đặng Thế Hân, Lương Thị Thêu + cụ Viễn	Hưng Thịnh	37	04	LUC	865,1	865,1	0,0
51	Đặng Văn Sang, Đỗ Thị Ky	Hưng Thịnh	38	03	LUC	816,0	816,0	0,0
52	Trần Xuân Tư, Lưu Thị Miên	Hưng Thịnh	39	03	LUC	933,0	933,0	0,0
53	Đặng Văn Vương, Nguyễn Thị Thoi	Hưng Thịnh	40	03	LUC	1.136,0	1.136,0	0,0
54	Ngô Xuân Đàm, Trần Thị Huệ	Hưng Thịnh	41	03	LUC	624,0	624,0	0,0
55	Ngô Xuân Đàm, Trần Thị Huệ	Hưng Thịnh	20	04	LUC	485,0	485,0	0,0
56	Trần Văn Chiên, Phan Thị Tích (ông Chiên đã chết) hiện bà Phan Thị Tích đang sử dụng	Hưng Thịnh	23	04	LUC	525,0	525,0	0,0
57	Trần Văn Chiên, Phan Thị Tích (ông Chiên đã chết) hiện bà Phan Thị Tích đang sử dụng	Hưng Thịnh	1	7	LUC	1.563,1	1.563,1	0,0
58	Roãn Văn Xuân, Nguyễn Thị Thạo	Hưng Thịnh	24	04	LUC	782,0	782,0	0,0
59	Trần Nam Chung, Lê Thị Tho	Hưng Thịnh	25	04	LUC	376,0	376,0	0,0
60	Trần Nam Chung, Lê Thị Tho	Hưng Thịnh	16	7	LUC	1.492,0	1.492,0	0,0
61	Nguyễn Văn Thuấn, Phạm Thị Sót	Hưng Thịnh	26	04	LUC	753,3	753,3	0,0
62	Nguyễn Văn Thuấn, Phạm Thị Sót	Hưng Thịnh	8	7	LUC	1.174,5	1.174,5	0,0
63	Vũ Văn Trinh, Roãn Thị Xuyến	Hưng Thịnh	27	04	LUC	719,0	719,0	0,0
64	Vũ Văn Trinh, Roãn Thị Xuyến	Hưng Thịnh	7	7	LUC	1.459,1	1.459,1	0,0
65	Nguyễn Văn Lung, Nguyễn Thị Chùn (ông Lung bà Chùn đã chết) hiện ông Nguyễn Văn Hào (con ông Lung bà Chùn) đang sử dụng	Hưng Thịnh	32	04	LUC	703,0	703,0	0,0
66	Trần Văn Mong, Trần Thị Tho (ông Mong đã chết) bà Trần Thị Tho đang sử dụng	Hưng Thịnh	33	04	LUC	1.722,0	1.722,0	0,0
67	Đặng Văn Tuyên, Lê Thị Thiếm (ông Tuyên đã chết) bà Lê Thị Thiếm đang sử dụng	Hưng Thịnh	34	04	LUC	263,0	263,0	0,0
68	Đặng Văn Tuyên, Lê Thị Thiếm (ông Tuyên đã chết) bà Lê Thị Thiếm đang sử dụng	Hưng Thịnh	36	04	LUC	688,0	688,0	0,0
69	Nguyễn Văn Triệu, Trần Thị Cay	Hưng Thịnh	39	04	LUC	537,0	537,0	0,0
70	Nguyễn Văn Triệu, Trần Thị Cay	Hưng Thịnh	12	7	LUC	1.674,3	1.674,3	0,0
71	Mai Đức Dưỡng, Trần Thị Xuyên	Hưng Thịnh	40	04	LUC	975,8	975,8	0,0
72	Lê Văn Đông, Ngô Thị Dung	Hưng Thịnh	42	04	LUC	490,6	487,6	3,0
73	Lê Văn Thoại, Trần Thị Riêm	Hưng Thịnh	135	04	LUC	818,0	818,0	0,0

STT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ (thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
74	Trần Văn Trọng, Trần Thị Nguyệt	Hưng Thịnh	2	7	LUC	1.094,0	1.094,0	0,0
75	Roãn Văn Tư, Đoàn Thị Thuận	Hưng Thịnh	3	7	LUC	757,0	757,0	0,0
76	Roãn Văn Định, Trần Thị Ngọ (ông Định đã chết) hiện bà Trần Thị Ngọ đang sử dụng	Hưng Thịnh	9	7	LUC	722,0	722,0	0,0
77	Lê Đình Bi, Đinh Thị Cõn (ông Bi bà Cõn đã chết) hiện ông Lê Văn Đoài là con đang sử dụng	Hưng Thịnh	10	7	LUC	607,0	589,9	17,1
78	Đặng Công Lý, Nguyễn Thị Ngát (ông Lý đã chết) hiện bà Nguyễn Thị Ngát đang sử dụng	Hưng Thịnh	13	7	LUC	554,0	554,0	0,0
79	Đặng Công Lý, Nguyễn Thị Ngát (ông Lý đã chết) hiện bà Nguyễn Thị Ngát đang sử dụng	Hưng Thịnh	14	7	LUC	1.419,0	1.419,0	0,0
	Tổng					**69.868,9**	**69.824,1**	**44,8**

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG TIỀN HẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36 /TB-UBND	*Đông Tiền Hải, ngày 20 tháng 03 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (Giai đoạn 2 - đợt 1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 09/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hải Long, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hải Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Phân khu công nghiệp);

Căn cứ văn bản số 563/UBND-KT2 ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt cho 104 xã, phường đến khi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

Căn cứ văn bản số 247/2025/CV-BM ngày 31/12/2025 của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh về việc đề nghị thực hiện công tác GPMB Khu công nghiệp Hải Long tại xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (giai đoạn 2 – đợt 1). Địa điểm: xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Đông Tiền Hải tại Tờ trình số 06/TTr-KT ngày 17 tháng 03 năm 2026.

Uỷ ban nhân dân xã Đông Tiền Hải thông báo như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long.

2. Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi là 168.881,5m^2. Gồm loại đất LUC: 40.616,5m^2, Đất NTS: 56.952,5m^2, Đất NKH: 4.921,5m^2, Đất HNK: 10.975,7 m^2, Đất NTD: 72,3m^2, Đất DGT: 37.530,2m^2, Đất DTL: 17.812,8m^2 thuộc địa giới hành chính thôn Thành Long xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên, (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Vị trí khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ địa chính số 27, 31, 32, 33, 37, 38 và 39 xã Đông Trà đo đạc bổ sung tháng 5 năm 2025, do Công ty cổ phần Trắc địa - Xây dựng và thương mại Tuấn Kiệt đo vẽ tháng 5 năm 2025 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình duyệt ngày 11/6/2025.

3. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên chủ trì, phối hợp với Phòng kinh tế và cơ sở thôn, các đơn vị liên quan và người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 03/5/2026;

4. Kế hoạch thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; Tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi để lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm

yết; Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; hoàn chỉnh hồ sơ, phương án trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/5/2026;

- Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án; phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 05/7/2026;

- Tổ chức chi trả, thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt; tổ chức bàn giao đất tái định cư trên thực địa (nếu có).

Dự kiến thời gian hoàn thành: Trước ngày 15/7/2026;

- Tiến độ thu hồi đất:

Dự kiến thời gian hoàn thành: 25/7/2026.

5. Giao phòng Kinh tế xã phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã gửi thông báo thu hồi đất đến chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi; thông báo nội dung thông báo này trên phương tiện thông tin đại chúng của xã; niêm yết thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải, và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

6. Sau khi nhận thông báo thu hồi đất chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi không được xây dựng nhà công trình hoặc nuôi, trồng mới trên đất. Nhà nước không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với các tài sản, công trình xây dựng hoặc nuôi, trồng mới trên đất sau khi có thông báo thu hồi đất; Người đại diện chủ sử dụng đất, chủ sử dụng tài sản gắn liền với đất nhận thông báo này có trách nhiệm thông báo cho các các thành viên khác có liên quan được biết về nội dung thông báo này.

7. Thông báo thu hồi đất có hiệu lực là 12 tháng tính từ ngày ban hành.

Uỷ ban nhân dân xã thông báo để các phòng, đơn vị thuộc xã và các cơ quan, đơn vị, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm PTQĐ số 2;
- Nhà đầu tư dự án;
- Các phòng, đơn vị, trưởng các thôn liên quan;
- Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất, tài sản thu hồi;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Linh

BẢNG THỐNG KÊ THỬA ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long - giai đoạn 2 - đợt 1

Địa điểm: thôn Thành Long Xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên.

Kèm theo thông báo số 36/TB-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Tiền Hải tỉnh Hưng Yên

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
1	UBND Xã	Thành Long	12	27	LUC	17,3	17,3	0,0
2	UBND Xã	Thành Long	21	27	LUC	131,8	131,8	0,0
3	UBND Xã	Thành Long	24	27	LUC	4,1	4,1	0,0
4	UBND Xã	Thành Long	28	27	LUC	202,7	27,6	175,1
5	UBND Xã	Thành Long	31	27	LUC	3,9	3,9	0,0
6	UBND xã	Thành Long	35	27	LUC	5,8	5,8	0,0
7	UBND Xã	Thành Long	37	27	LUC	177,7	177,7	0,0
8	UBND xã	Thành Long	119	27	LUC	0,1	0,1	0,0
9	UBND xã	Thành Long	240	27	LUC	0,2	0,2	0,0
10	UBND Xã	Thành Long	243	27	LUC	361,0	361,0	0,0
11	UBND Xã	Thành Long	247	27	LUC	397,2	397,2	0,0
12	UBND xã	Thành Long	250	27	LUC	4,8	4,8	0,0
13	UBND xã	Thành Long	252	27	LUC	2,8	2,8	0,0
14	UBND xã	Thành Long	253	27	LUC	7,3	7,3	0,0
15	UBND xã	Thành Long	270	27	LUC	0,5	0,5	
16	UBND xã	Thành Long	282	27	LUC	64,7	64,7	0,0
17	UBND Xã	Thành Long	619	27	HNK	29,7	29,7	0,0
18	UBND Xã	Thành Long	620	27	LUC	784,4	597,2	187,2
19	UBND Xã	Thành Long	622	27	LUC	2,9	2,9	0,0
20	UBND Xã	Thành Long	623	27	LUC	157	5,1	151,9
21	UBND Xã	Thành Long	626	27	LUC	48,8	48,8	0,0
22	UBND Xã	Thành Long	627	27	LUC	966	691,7	274,3
23	UBND Xã	Thành Long	628	27	LUC	3230,3	3230,3	0,0
24	UBND Xã	Thành Long	629	27	LUC	1395,2	1395,2	0,0
25	UBND Xã	Thành Long	3000	27	DGT	807,4	807,4	0,0
26	UBND Xã	Thành Long	3001	27	DGT	1100,7	1100,7	0,0
27	UBND Xã	Thành Long	3002	27	DGT	1837,8	1837,8	0,0
28	UBND Xã	Thành Long	3003	27	DGT	1934,1	1934,1	0,0
29	UBND Xã	Thành Long	3004	27	DGT	784,6	784,6	0,0
30	UBND Xã	Thành Long	3005	27	DGT	1413	1413,0	0,0
31	UBND Xã	Thành Long	3006	27	DGT	1097	1097,0	0,0
32	UBND Xã	Thành Long	3007	27	DGT	1933,8	1933,8	0,0
33	UBND Xã	Thành Long	3008	27	DGT	796,7	796,7	0,0
34	UBND Xã	Thành Long	3009	27	DGT	1902,4	1902,4	0,0
35	UBND Xã	Thành Long	3011	27	DGT	133,4	133,4	0,0
36	UBND Xã	Thành Long	3012	27	DGT	1493,8	1493,8	0,0
37	UBND Xã	Thành Long	3013	27	DGT	355,7	355,7	0,0
38	UBND Xã	Thành Long	3014	27	DGT	175,2	175,2	0,0
39	UBND Xã	Thành Long	3015	27	DGT	182,4	182,4	0,0
40	UBND Xã	Thành Long	3016	27	DGT	1277,4	1277,4	0,0
41	UBND Xã	Thành Long	3017	27	DGT	68	68,0	0,0
42	UBND Xã	Thành Long	3018	27	DGT	166,7	166,7	0,0
43	UBND Xã	Thành Long	3019	27	DGT	17,9	17,9	0,0
44	UBND Xã	Thành Long	3020	27	DGT	6,2	6,2	0,0

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
45	UBND Xã	Thành Long	3021	27	DGT	13,9	13,9	0,0
46	UBND Xã	Thành Long	4000	27	DTL	1509,4	1509,4	0,0
47	UBND Xã	Thành Long	4001	27	DTL	1011,9	1011,9	0,0
48	UBND Xã	Thành Long	4002	27	DTL	1449,3	1449,3	0,0
49	UBND Xã	Thành Long	4003	27	DTL	976,6	976,6	0,0
50	UBND Xã	Thành Long	4005	27	DTL	432,4	432,4	0,0
51	UBND Xã	Thành Long	4006	27	DTL	263,6	263,6	0,0
52	UBND Xã	Thành Long	4007	27	DTL	197	197,0	0,0
53	UBND Xã	Thành Long	4008	27	DTL	4253,1	4253,1	0,0
54	UBND Xã	Thành Long	4009	27	DTL	108,7	108,7	0,0
55	UBND Xã	Thành Long	4010	27	DTL	8,1	8,1	0,0
56	UBND Xã	Thành Long	31	31	NTS	1.113,3	1.113,3	0,0
57	UBND Xã	Thành Long	303	31	LUC	13,0	13,0	0,0
58	UBND Xã	Thành Long	304	31	LUC	0,6	0,6	0,0
59	UBND Xã	Thành Long	305	31	LUC	2.112,7	2.112,7	0,0
60	UBND Xã	Thành Long	38	31	NTD	57,6	57,6	0,0
61	UBND Xã	Thành Long	41	31	NKH	2.181,1	2.181,1	0,0
62	UBND Xã	Thành Long	43	31	NKH	2.154,8	2.154,8	0,0
63	UBND Xã	Thành Long	45	31	NKH	585,6	585,6	0,0
64	UBND Xã	Thành Long	47	31	HNK	8.033,8	8.033,8	0,0
65	UBND xã	Thành Long	58	31	LUC	16,3	16,3	0,0
66	UBND Xã	Thành Long	62	31	LUC	111,9	111,9	0,0
67	UBND Xã	Thành Long	66	31	LUC	0,9	0,9	0,0
68	UBND Xã	Thành Long	69	31	LUC	956,8	956,8	0,0
69	UBND Xã	Thành Long	70	31	LUC	193,4	193,4	0,0
70	UBND Xã	Thành Long	71	31	LUC	3,0	3,0	0,0
71	UBND Xã	Thành Long	72	31	LUC	27,6	27,6	0,0
72	UBND Xã	Thành Long	76	31	LUC	402,3	402,3	0,0
73	UBND xã	Thành Long	87	31	LUC	41,8	41,8	0,0
74	UBND xã	Thành Long	88	31	LUC	217,2	217,2	0,0
75	UBND Xã	Thành Long	91	31	LUC	26,0	26,0	0,0
76	UBND Xã	Thành Long	92	31	LUC	4.381,1	4.381,1	0,0
77	UBND xã	Thành Long	95	31	HNK	2.912,2	2.912,2	0,0
78	UBND xã	Thành Long	96	31	NTS	2.662,5	2.662,5	0,0
79	UBND xã	Thành Long	97	31	LUC	13.998,1	13.998,1	0,0
80	UBND xã	Thành Long	162	31	LUC	3,9	3,9	0,0
81	UBND xã	Thành Long	166	31	LUC	6,6	6,6	0,0
82	UBND xã	Thành Long	168	31	LUC	199,3	199,3	0,0
83	UBND xã	Thành Long	169	31	NTD	14,7	14,7	0
84	UBND xã	Thành Long	178	31	LUC	0,8	0,8	0,0
85	UBND Xã	Thành Long	179	31	LUC	200,9	200,9	0,0
86	UBND xã	Thành Long	210	31	LUC	381,7	381,7	0,0
87	UBND xã	Thành Long	211	31	LUC	122,6	122,6	0,0
88	UBND Xã	Thành Long	212	31	LUC	238,9	238,9	0,0
89	UBND Xã	Thành Long	213	31	LUC	119,5	119,5	0,0
90	UBND xã	Thành Long	215	31	LUC	6,4	6,4	0,0
91	UBND Xã	Thành Long	218	31	LUC	227,1	227,1	0,0
92	UBND xã	Thành Long	222	31	LUC	1,1	1,1	0,0

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
93	UBND Xã	Thành Long	223	31	LUC	11,8	11,8	0,0
94	UBND Xã	Thành Long	224	31	LUC	6,6	6,6	0,0
95	UBND Xã	Thành Long	229	31	LUC	138,1	138,1	0,0
96	UBND Xã	Thành Long	230	31	LUC	263,0	263,0	0,0
97	UBND Xã	Thành Long	234	31	LUC	7,7	7,7	0,0
98	UBND xã	Thành Long	236	31	LUC	128,9	128,9	0,0
99	UBND xã	Thành Long	237	31	LUC	330,4	330,4	0,0
100	UBND xã	Thành Long	238	31	LUC	506,6	506,6	0,0
101	UBND Xã	Thành Long	253	31	LUC	302,5	302,5	0,0
102	UBND xã	Thành Long	254	31	LUC	9,1	9,1	0,0
103	UBND Xã	Thành Long	255	31	LUC	406,5	406,5	0,0
104	UBND Xã	Thành Long	257	31	LUC	39,0	39,0	0,0
105	UBND xã	Thành Long	260	31	LUC	0,1	0,1	0,0
106	UBND xã	Thành Long	265	31	LUC	423,7	423,7	0,0
107	UBND xã	Thành Long	266	31	LUC	135,8	135,8	0,0
108	UBND xã	Thành Long	269	31	LUC	67,4	67,4	0,0
109	UBND Xã	Thành Long	279	31	LUC	4.852,4	4.852,4	0,0
110	UBND xã	Thành Long	281	31	LUC	1.138,7	1.138,7	0,0
111	UBND xã	Thành Long	282	31	LUC	14,6	14,6	0,0
112	UBND xã	Thành Long	283	31	NTS	324,5	324,5	0,0
113	UBND xã	Thành Long	284	31	NTS	262,7	262,7	0,0
114	UBND xã	Thành Long	288	31	LUC	0,9	0,9	0,0
115	UBND xã	Thành Long	289	31	LUC	1,6	1,6	0,0
116	UBND Xã	Thành Long	293	31	LUC	57,4	57,4	0,0
117	UBND Xã	Thành Long	298	31	LUC	37,0	37,0	0,0
118	UBND xã	Thành Long	301	31	LUC	135,3	135,3	0,0
119	UBND xã	Thành Long	90	32	LUC	33,1	-	33,1
120	UBND xã	Thành Long	92	32	LUC	96,9	-	96,9
121	UBND xã	Thành Long	200	32	LUC	1,0	-	1,0
122	UBND xã	Thành Long	217	32	NTS	584,7	584,7	0,0
123	UBND xã	Thành Long	218	32	NTS	354,7	354,7	0,0
124	UBND xã	Thành Long	219	32	NTS	762,4	762,4	0,0
125	UBND xã	Thành Long	220	32	NTS	1.051,7	1.051,7	0,0
126	UBND xã	Thành Long	221	32	NTS	1.837,2	1.837,2	0,0
127	UBND xã	Thành Long	222	32	NTS	2.572,0	2.572,0	0,0
128	UBND xã	Thành Long	223	32	NTS	446,2	446,2	0,0
129	UBND xã	Thành Long	224	32	NTS	2.345,4	2.345,4	0,0
130	UBND xã	Thành Long	225	32	NTS	985,4	985,4	0,0
131	UBND xã	Thành Long	226	32	NTS	2.813,8	2.813,8	0,0
132	UBND xã	Thành Long	238	32	NTS	838,5	838,5	0,0
133	UBND xã	Thành Long	239	32	NTS	696,4	696,4	0,0
134	UBND xã	Thành Long	240	32	NTS	1.387,5	1.387,5	0,0
135	UBND xã	Thành Long	242	32	NTS	3.288,9	3.288,9	0,0
136	UBND xã	Thành Long	243	32	NTS	340,7	340,7	0,0
137	UBND xã	Thành Long	244	32	NTS	337,4	337,4	0,0
138	UBND xã	Thành Long	250	32	NTS	1.557,3	1.557,3	0,0
139	UBND xã	Thành Long	251	32	NTS	2.116,9	2.116,9	0,0
140	UBND xã	Thành Long	252	32	NTS	1.504,4	1.504,4	0,0

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích (m2)	Diện tích đất dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)
141	UBND xã	Thành Long	256	32	NTS	1.225,9	1.225,9	0,0
142	UBND xã	Thành Long	259	32	NTS	885,6	885,6	0,0
143	UBND xã	Thành Long	260	32	NTS	6.823,6	6.823,6	0,0
144	UBND xã	Thành Long	24	33	NTS	18.521,2	17.832,9	688,3
145	UBND xã	Thành Long	3000	37	DGT	6.315,1	6.315,1	0,0
146	UBND xã	Thành Long	3001	37	DGT	1.470,2	1.470,2	0,0
147	UBND xã	Thành Long	3002	37	DGT	736,7	736,7	0,0
148	UBND xã	Thành Long	3003	37	DGT	1.089,2	1.089,2	0,0
149	UBND xã	Thành Long	3004	37	DGT	1.110,9	1.110,9	0,0
150	UBND xã	Thành Long	3005	37	DGT	0,1	0,1	0,0
151	UBND xã	Thành Long	4000	37	DTL	1.111,6	1.111,6	0,0
152	UBND xã	Thành Long	4001	37	DTL	216,9	216,9	0,0
153	UBND xã	Thành Long	4002	37	DTL	2.278,7	2.278,7	0,0
154	UBND xã	Thành Long	4003	37	DTL	2.711,4	2.711,4	0,0
155	UBND xã	Thành Long	4004	37	DTL	478,6	478,6	0,0
156	UBND xã	Thành Long	4005	37	DTL	223,6	223,6	0,0
157	UBND xã	Thành Long	3000	38	DGT	3279,6	3.279,6	0,0
158	UBND xã	Thành Long	3001	38	DGT	677,6	677,6	0,0
159	UBND xã	Thành Long	4000	38	DTL	1,7	1,7	0,0
160	UBND xã	Thành Long	4001	38	DTL	86,3	86,3	0,0
161	UBND xã	Thành Long	2	39	LUC	153,1	153,1	0,0
162	UBND xã	Thành Long	4	39	LUC	3,2	3,2	0,0
163	UBND Xã	Thành Long	6	39	LUC	23,4	23,4	0,0
164	UBND Xã	Thành Long	16	39	LUC	175,7	175,7	0,0
165	UBND Xã	Thành Long	129	39	LUC	16,0	16,0	0,0
166	UBND Xã	Thành Long	134	39	LUC	19,0	19,0	0,0
167	UBND Xã	Thành Long	138	39	LUC	11,4	11,4	0,0
168	UBND xã	Thành Long	145	39	LUC	0,3	0,3	0,0
169	UBND xã	Thành Long	150	39	LUC	9,8	9,8	0,0
170	UBND Xã	Thành Long	3000	39	DGT	2.958,3	2.958,3	0,0
171	UBND Xã	Thành Long	3001	39	DGT	621,5	621,5	0,0
172	UBND Xã	Thành Long	3002	39	DGT	1.391,8	1.391,8	0,0
173	UBND Xã	Thành Long	3003	39	DGT	381,1	381,1	0,0
174	UBND Xã	Thành Long	4000	39	DTL	1,5	1,5	0,0
175	UBND Xã	Thành Long	4001	39	DTL	10,7	10,7	0,0
176	UBND Xã	Thành Long	4002	39	DTL	0,3	0,3	0,0
177	UBND Xã	Thành Long	4003	39	DTL	481,4	481,4	0,0
	Cộng tổng					**170.489,3**	**168.881,5**	**1.607,8**